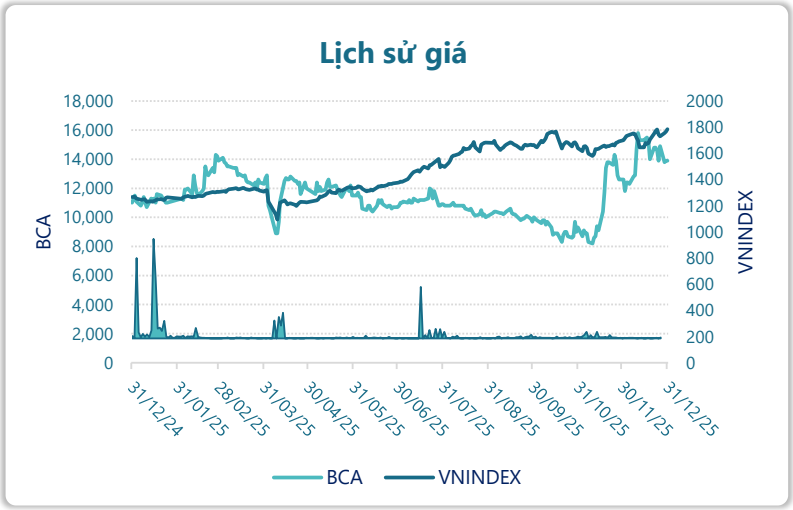
FireAnt

CTCP B.C.H (UPCOM: BCA)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,200
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	536,960
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	695
P/E	61.7
EPS	225

DT thuần

Q4/25

1,879

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.0| 2.2%

YoY: ▲ 600| 46.9%

LN sau thuế

Q4/25

23.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.6| 469%

YoY: ▲ 61.3| 161%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.7%

DT thuần

2025

6,381

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 852| 15.4%

LN sau thuế

2025

11.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 61.4| 122%

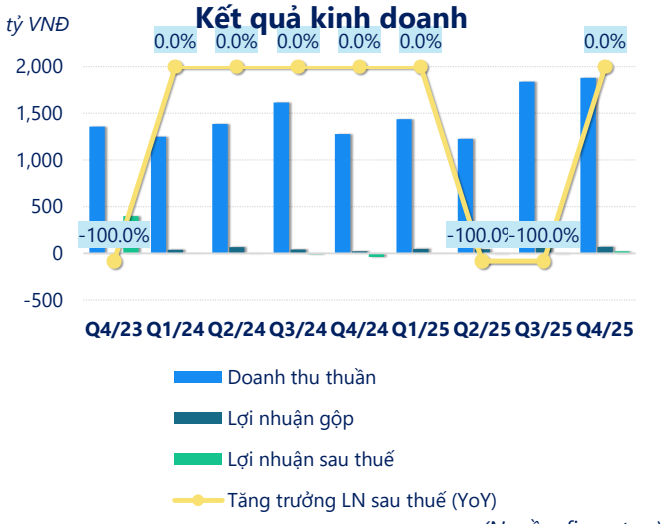
ROE

2025

1.5%

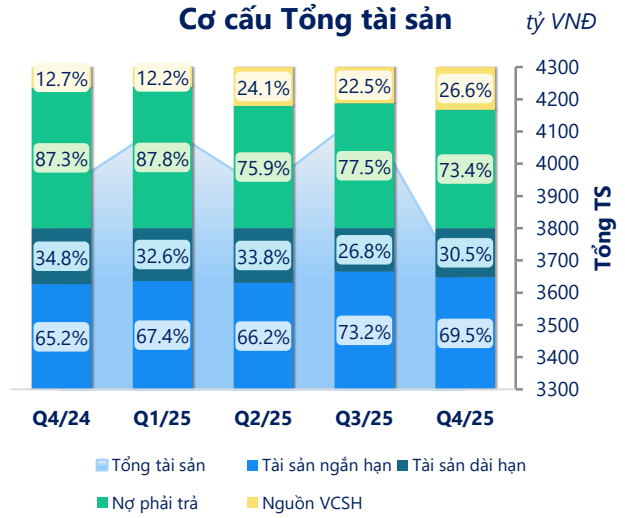
+/- YoY: ▲ 11.2%

Kết quả kinh doanh



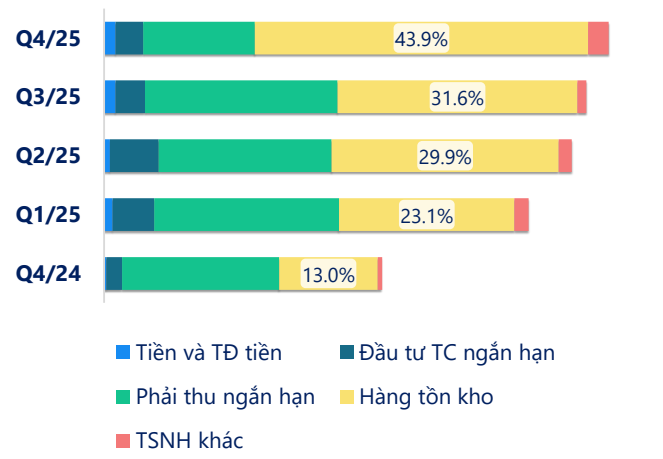
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



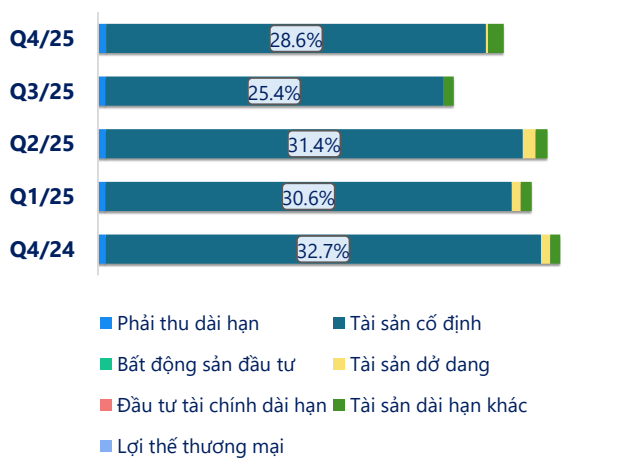
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



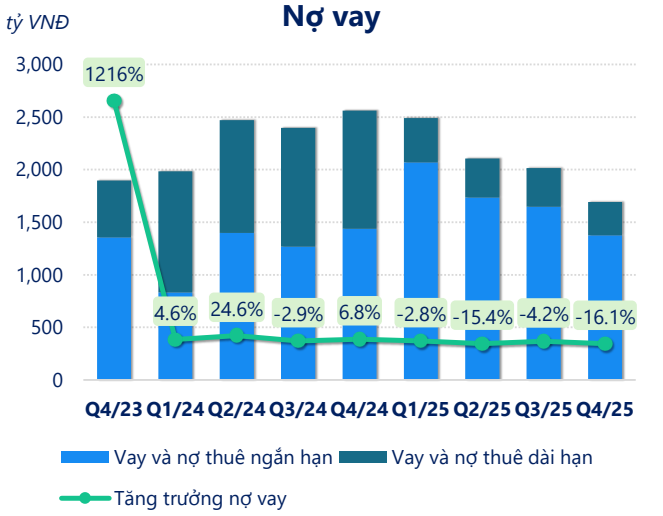
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



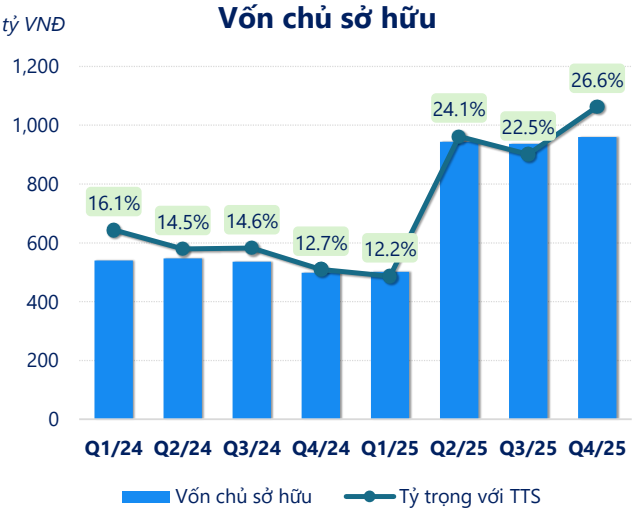
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



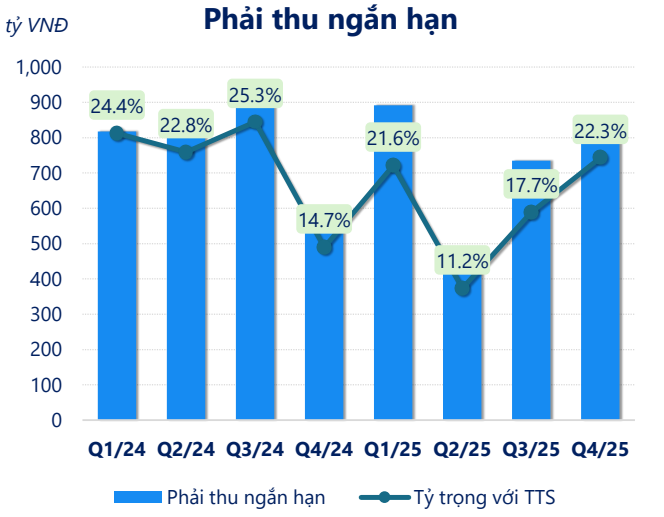
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



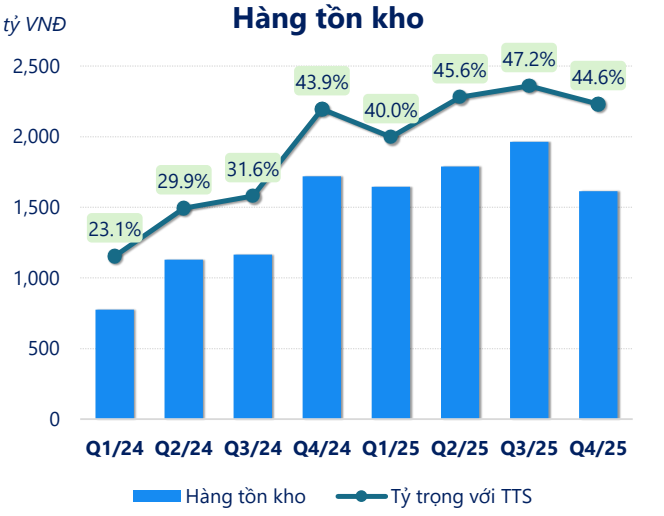
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



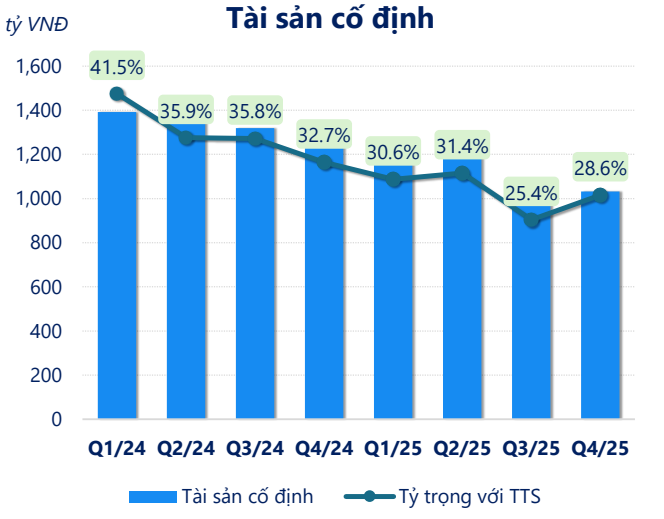
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



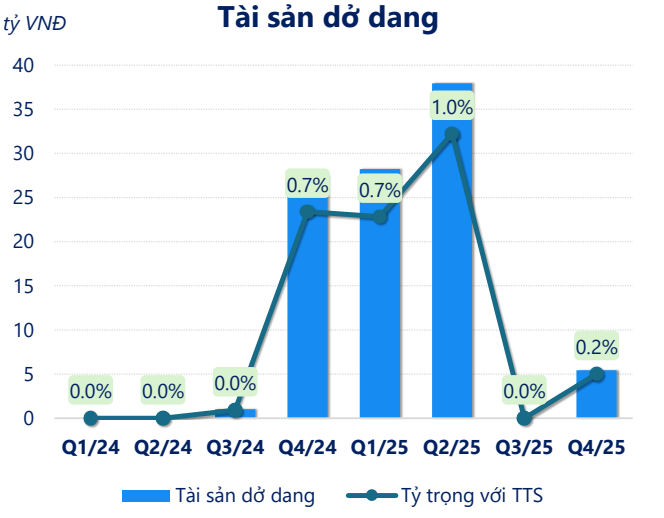
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



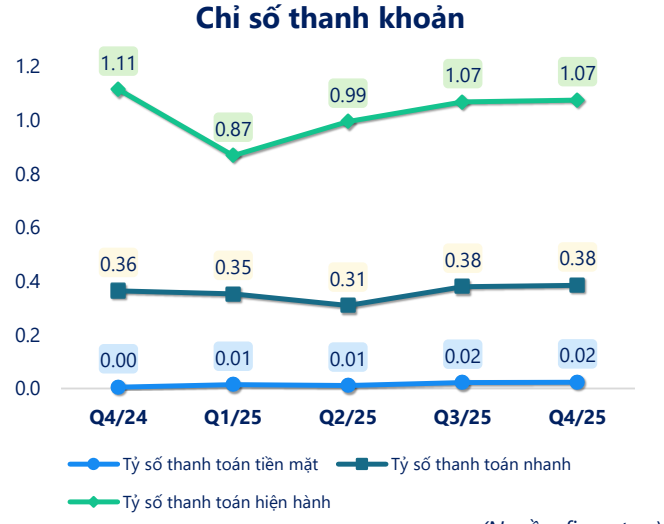
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



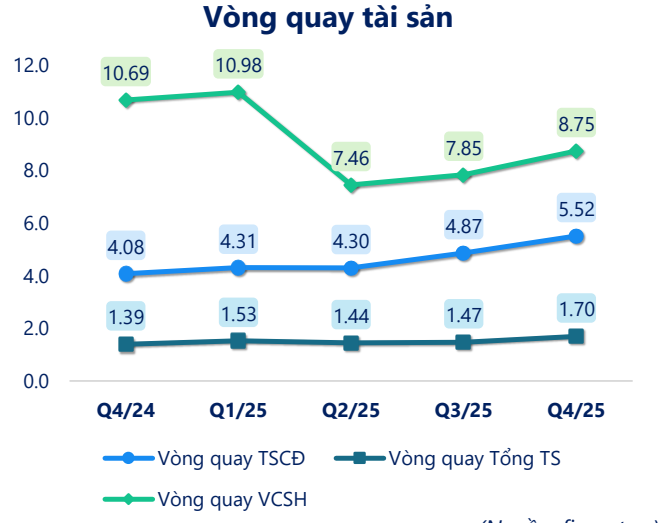
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**3,915**	**4,120**	**3,922**	**4,161**	**3,613**
Tài sản ngắn hạn	**2,553**	**2,776**	**2,596**	**3,048**	**2,511**
Tiền và tương đương tiền	11.3	46.1	29.7	63.0	54.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	143	112	252	222	20.8
Phải thu ngắn hạn	575	892	439	735	806
Hàng tồn kho	1,719	1,646	1,788	1,964	1,613
Tài sản ngắn hạn khác	105	79.3	85.8	64.5	17.4
Tài sản dài hạn	**1,362**	**1,345**	**1,326**	**1,113**	**1,103**
Phải thu dài hạn	22.5	22.5	22.5	22.5	22.5
Tài sản cố định	1,282	1,260	1,231	1,058	1,032
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	27.5	28.2	37.9	0	5.44
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	30.0	34.0	35.3	32.9	42.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,417**	**3,619**	**2,978**	**3,224**	**2,653**
Nợ ngắn hạn	**2,292**	**3,198**	**2,609**	**2,855**	**2,336**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,437	2,068	1,736	1,647	1,375
Phải trả người bán ngắn hạn	780	912	692	1,126	935
Nợ dài hạn	1,125	421	369	369	317
Vay và nợ thuê dài hạn	1,125	421	369	369	317
Nguồn vốn chủ sở hữu	**498**	**501**	**943**	**937**	**960**
Vốn chủ sở hữu	**498**	**501**	**943**	**937**	**960**
Vốn điều lệ	190	190	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)